TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/DS-PT
Ngày 29-01-2026
V/v tranh chấp về giao dịch vay tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hợp

Ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp về giao dịch vay tiền".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11-Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2025/QĐXX-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Số nhà 169 đường 391, thôn An Nhân Tây, xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Đại diện của nguyên đơn: Bà Lưu Thị Huyền, địa chỉ: Số 30, Lạc Long Quân, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 12 năm 2024), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Ngọc Phán, luật sư của Văn phòng Luật sư Tâm Đ Phúc thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 30 Lạc Long Quân, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm; địa chỉ: Thôn Hà Hải, xã Nguyên Giáp, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Đại diện của bị đơn: Công ty luật TNHH Sunshine Quảng Ninh, là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/8/2025). Người thực hiện công việc ủy quyền: Chị Lương Thị Hiền, địa chỉ: tổ 8 khu 5 phường Hồng Gai, Quảng Ninh (theo Quyết định số 2901/2026/QĐ-SS ngày 29/01/2026 về việc cử người đại diện tham gia tố tụng của Công ty luật TNHH Sunshine Quảng Ninh), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Nga - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Sunshine Quảng Ninh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Số 315 Lê Lợi, Yết Kêu (nay là Tổ 1 khu phố Yết Kiêu 3), phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và lời khai của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và vợ chồng anh Nguyễn Tiến Đ, chị Đỗ Thị Thắm có mối quan hệ cô cháu ruột với nhau do bố anh Đ là anh ruột bà M. Vì là chỗ quan hệ ruột thịt nên từ ngày 03/4/2017 đến ngày 18/3/2023, vợ chồng anh Đ, chị Thắm đã nhiều lần vay tiền của bà với tổng cộng 23 lần vay, tổng số tiền là 1.470.850.000 đồng.

Cụ thể: ngày 03/04/2017, vay 15.000.000 đồng; ngày 30/03/2018 vay 4.300.000 đồng; ngày 01/06/2018 vay 55.000.000 đồng; ngày 09/06/2018 vay 70.000.000 đồng; ngày 11/06/2018 vay 80.000.000 đồng; ngày 01/07/2018 vay 20.000.000 đồng; ngày 12/07/2018 vay 80.000.000 đồng; ngày 05/08/2018 vay 100.000.000 đồng; ngày 18/09/2018 vay 70.000.000 đồng; ngày 07/10/2018 vay 50.000.000 đồng; ngày 16/10/2018 vay 20.000.000 đồng; ngày 19/10/2018 vay 30.000.000 đồng; ngày 30/10/2018 vay 80.000.000 đồng; ngày 16/11/2018 vay 60.000.000 đồng; ngày 05/12/2018 vay 58.000.000 đồng; ngày 11/12/2018 vay 53.000.000 đồng; ngày 27/12/2018 vay 127.000.000 đồng; ngày 03/02/2019 vay 80.000.000 đồng; ngày 12/04/2019 vay 61.150.000 đồng; ngày 10/05/2019 vay 243.000.000 đồng; ngày 06/07/2019 vay 14.400.000 đồng; ngày 21/12/2021 vay 50.000.000 đồng; ngày 18/03/2023 vay 50.000.000 đồng.

Mục đích vay để xây nhà và chi tiêu mua sắm trong gia đình, mỗi lần anh Đ, chị Thắm vay tiền đều được ghi chép trong sổ thu chi cá nhân bà M, ghi rõ số tiền vay có chữ ký xác nhận của người vay là anh Đ, chị Thắm, chị Bùi Thị Nhài *(chị dâu anh Đ)* là người ghi sổ. Đến năm 2023, bà M và vợ chồng anh Đ, chị Thắm xảy ra mâu thuẫn với nhau. Bà M yêu cầu anh Đ, chị Thắm trả nợ cho bà M nhưng anh Đ, chị Thắm không trả. Bà M đã 03 lần gửi thông báo cụ thể: lần 1 ngày

11/6/2024; lần 2 ngày 20/6/2024 và lần 3 ngày 08/7/2024, nhưng anh Đ, chị Thắm vẫn không trả. Vì vậy, bà M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ (nay là TAND khu vực 11 – Hải Phòng) buộc vợ chồng anh Đ, chị Thắm trả cho bà M số tiền 1.470.850.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh do chậm trả kể từ ngày 09/7/2024 tính đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Lời khai của bị đơn trình bày:

Anh Đ, chị Thắm xác nhận có nhận số tiền 1.470.850.000 đồng nhưng không nhận trực tiếp từ bà M mà từ thủ quỹ của bà M là chị Bùi Thị Nhài và xác định khoản tiền trên không phải do anh chị vay mà do bà M cho vợ chồng anh chị và khoản tiền thưởng sản lượng do anh chị làm nhân viên thị trường cho hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M, cụ thể: Trong tổng số tiền anh Đ, chị Thắm đã nhận mà bị đơn đã kê chi tiết và giao nộp cho Tòa án, trong đó có 14 lần anh Đ, chị Thắm nhận với tổng số tiền 936.550.000 đồng, bị đơn xác định đây là các khoản tiền bà Nguyễn Thị M đã cho anh chị để chi tiêu hoạt động của gia đình, xây dựng nhà và 09 lần bị đơn nhận tiền của bà M với tổng số tiền là 534.300.000 đồng, bị đơn xác định đây là khoản tiền anh chị đã tạm ứng, vay được trừ vào tiền thưởng sản lượng bán hàng cho Hộ kinh doanh Nguyễn Thị M.

Lý giải vấn đề trên, bị đơn xác định do bà Nguyễn Thị M làm nghề kinh doanh cám và phân bón các loại và cần người làm nên tháng 7/2013, anh Đ làm thuê cho Hộ kinh doanh do bà M làm chủ, hai bên thỏa thuận anh Đ làm lái xe và nhân viên thị trường, mức lương khởi điểm là 3.500.000 đ/tháng. Đến khoảng tháng 8/2015, chị Thắm làm thuê cho bà M với công việc là nhân viên văn phòng, chăm sóc khách hàng, ghi mã hàng, mức lương khoảng 4.000.000 đ/tháng. Sau đó, khoảng cuối năm 2015, do thiếu nhân viên thị trường và được sự động viên từ bà M nên chị Thắm đã đi tiếp cận thị trường bán hàng. Đầu năm 2016, chị Thắm phát triển mạnh được thị trường cám, lân đạm ở Hải Dương, sau đó phát triển được thị trường mới tại Hưng Yên, Hải Phòng, nên từ năm 2016 đại diện Hộ Kinh Doanh NTM và anh Đ, chị Thắm đã thỏa thuận về việc trả thưởng sản lượng đối với các mặt hàng bán ra như các loại cám gia súc, gia cầm, cám thủy sản, phân bón (NPK) (trừ các mặt hàng đạm đơn, kali đơn, lân đơn) là 200.000 đồng/tấn. Bà M cũng nói rằng, vì để những người lao động khác không đố kỵ thì cô cháu cứ thỏa thuận mức lương ngang bằng với mọi người, còn các cháu cần tiêu chi tiêu cứ báo bà M để lấy tiền, ghi vào sổ, sau này cô cháu hiểu với nhau đó là tiền thưởng sản lượng. Vì tin tưởng giữa cô cháu trong gia đình nên anh Đ, chị Thắm cũng nghe theo và thực hiện trong suốt nhiều năm. Khoảng thời gian năm 2017, bà M động viên sẽ cho tiền xây nhà nên anh chị đã tiến hành xây nhà tại địa chỉ hiện nay. Việc xây nhà kéo dài từ khoảng tháng 6/2018 đến 07/2019 thì hoàn thành. Cứ làm nhà thiếu đến đâu bảo, bà M cho tiền qua thủ quỹ (là chị Nhài) ký nhận tiền mang về xây nhà. Còn khoản nào tạm ứng, vay thì ghi rõ nội dung là tạm ứng/vay trong sổ thu chi

của hộ kinh doanh, để bà M theo dõi, tính toán vào tiền thưởng sản lượng sau này giữa các bên. Bà M là người chỉ đạo về cách thức ghi chép sổ thu chi của Hộ Kinh Doanh NTM. Các khoản tiền mà bà M cho anh chị để xây nhà được liệt kê như trên và tiền thưởng sản lượng các bên đã đối trừ giải quyết xong. Nay bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị Thắm phải trả tổng số tiền 1.470.850.000 đồng, bị đơn không đồng ý.

Những người làm chứng trình bày:

1. Chị Hà Thị Tươi, anh Nguyễn Đ Trường, chị Bùi Thị Nhài đều thống nhất trình bày: Chị Tươi là chị dâu chị Nhài, anh Trường là chồng chị Nhài nên là em rể chị, anh Đ là anh ruột anh Trường; anh Trường, chị Nhài xác định bà M là cô ruột của anh Trường còn chị Nhài là cháu dâu và là vợ anh Trường, anh Đ cũng là cháu ruột của bà M, còn chị Thắm là cháu dâu vợ anh Đ. Xác nhận chị cũng như vợ chồng anh Trường, anh Đ có thời gian làm thuê cũng như vị trí làm thuê cho bà Nguyễn Thị M như các đương sự đã trình bày. Trong quá trình làm việc, có lần họp đầu giờ tại văn phòng của bà M, bà M có nói với nhân viên làm văn phòng, công nhân và người làm thị trường có mặt mọi người tại cuộc họp (có Đ, Thắm, Trường và một số người nữa...) với nội dung mọi người đi mở rộng thị trường, nếu ai phát triển được nhiều hơn thì sẽ chiết khấu tiền sản lượng vào cuối năm. Còn thực tế giữa bà M và anh Nguyễn Tiến Đ, chị Đỗ Thị Thắm có thỏa thuận cụ thể về tiền sản lượng, được bao nhiêu tiền trên một tấn, thanh toán như thế nào thì chị không biết, không tham gia và cũng không chứng kiến. Việc bà M có thanh toán tiền sản lượng, thanh toán bao nhiêu chị không nắm được. Anh Trường, chị Nhài xác định đối với tiền thưởng sản lượng trước tháng 5/2021 các bên đã họp tại nhà anh Trường và giải quyết xong, từ tháng 6/2021 trở đi được ghi trong sổ thu chi bà M, sau này cũng đã giải quyết xong.

2. Chị Đặng Thị Hồng Toan trình bày: Chị làm thuê cho bà M từ năm 2015 đến nay, chị không nắm bắt được là giữa bà M với vợ chồng anh Trường, chị Nhài, anh Đ, chị Thắm có ký kết hợp đồng lao động với nhau hay không. Từ khoảng năm 2021-2022 chị không nhớ chính xác ngày tháng năm thì bà M bảo chị làm cho bà ấy sản lượng từ ngày 01/6 đến ngày 01/7 hàng tháng, cụ thể sản lượng là tổng số hàng phân bón xuất bán ra trong một tháng, ghi chép vào sổ, sổ đó gọi là sổ sản lượng. Còn chị cũng không biết bà M sử dụng vào mục đích gì. Từ trước đến nay, chị không thấy, không biết bà M có thỏa thuận với anh Trường, anh Đ về trả tiền sản lượng cho các anh ấy hay không.

3. Anh Lê Đình Tuấn trình bày: Anh là cháu chị Đỗ Thị Thắm, gọi chị Thắm bằng dì, gọi anh Đ bằng chú do mẹ anh là chị ruột của chị Thắm. Trước đây anh có vào làm cho bà Nguyễn Thị M (Doanh nghiệp tư nhân NTM) từ tháng 8 năm 2020, giữa anh và bà M không ký kết hợp đồng lao động mà chỉ có thỏa thuận miệng với nhau về việc anh làm thuê cho bà M. Công việc của anh là nhân viên thị trường.

Trong thời gian làm việc, bà M có hứa hẹn nếu làm tốt, phát triển được thị trường thì được thưởng sản lượng ngoài tiền lương cứng, nhưng không trao đổi mức cụ thể là bao nhiêu tiền/sản lượng. Quá trình làm việc ở đó, anh chưa phát triển được thị trường nên chưa được thưởng sản lượng bán hàng, đến tháng 7 năm 2023 nghỉ việc. Vợ chồng anh Đ, chị Thắm cũng làm việc cho bà M, do vợ chồng Đ Thắm phát triển được thị trường nên và có thỏa thuận với bà M từ trước nên được thưởng doanh số đối với sản lượng bán ra, thưởng như thế nào thì anh không biết. Trong quá trình làm việc ở đó, thực tế anh chưa bao giờ thấy bà M và anh Đ, anh Trường thanh toán tiền sản lượng do phát triển được thị trường hoặc công bố tại văn phòng là tháng này, năm này phát triển được thị trường và được từng đây tiền thưởng tiền sản lượng. Vì theo anh được biết chỗ bà M và anh Đ, anh Trường là chỗ cô cháu ruột với nhau, nên thực tế sau này giữa bà M và anh Đ, anh Trường có thanh toán tiền sản lượng với nhau không? thanh toán cho các anh như thế nào thì anh không biết, không nắm được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: Buộc anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm phải trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền nợ gốc: 1.470.850.000 đồng (một tỷ bốn trăm bẩy mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi suất chậm trả 174.168.000 đồng làm tròn. Tổng cộng 1.645.018.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bị đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đây phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về lao động. Lời khai của người làm chứng là chị Đặng Thị Hồng Toan mâu thuẫn với lời khai của bà M, chị Toan là người ghi chép sổ thưởng sản lượng. Cấp sơ thẩm chưa thu thập sổ ghi chép sổ thưởng sản lượng theo lời khai của chị Toan.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11-Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Xét kháng cáo của bị đơn:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện cho rằng anh Đ, chị Thắm nợ nguyên đơn 1.470.850.000 đồng nên yêu cầu anh Đ, chị Thắm phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền vay và tiền lãi suất phát sinh do chậm trả kể từ ngày 09/7/2024 tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Cấp sơ thẩm xác định đây là khoản vay cá nhân giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn cho rằng đây là tranh chấp lao động liên quan đến việc ứng chi trả tiền sản lượng nhưng không chứng minh được số tiền tranh chấp liên quan đến việc trả thưởng sản lượng nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn 1.470.850.000 đồng, nhưng khoản tiền này không phải do bị đơn vay, mà trong tổng số tiền trên có 936.550.000 đồng là nguyên đơn đã cho bị đơn để chi tiêu, sinh hoạt gia đình và xây dựng nhà. Số tiền còn lại 534.300.000 đồng là tiền được trừ vào tiền thưởng sản lượng nên các bên không nợ nần gì nhau.

[3] Đối với số tiền 936.550.000 đồng: Nguyên đơn không thừa nhận đã cho bị đơn và bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh rằng nguyên đơn đã cho bị đơn. Toàn bộ số tiền này được ghi chép trong sổ thu chi của hộ kinh doanh, có xác nhận của bị đơn là anh Đ và chị Thắm về việc nhận tiền của nguyên đơn là bà M, các lần nhận tiền đều thể hiện nội dung "vay", "vay tiền nhà", "trả tiền công thợ"… và anh Đ và chị Thắm thừa nhận chữ ký trong sổ ghi chép thu chi do bà M cung cấp đúng là chữ ký của bị đơn. Do bị đơn không cung cấp được tài liệu nào khác để chứng minh việc bà M đã cho bị đơn số tiền 936.550.000 đồng nên bị đơn là anh Đ và chị Thắm có nghĩa vụ trả số tiền vay cho bà M như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Đối với số tiền 534.300.000 đồng bị đơn cho rằng đây chỉ là các khoản tạm ứng và đã được đối trừ bằng tiền thưởng sản lượng, nhưng bị đơn không cung cấp được bảng kê, chứng từ đối chiếu công nợ, biên bản thanh toán hay tài liệu kế

toán nào thể hiện việc đã bù trừ các khoản vay trên theo nghĩa vụ phải chứng minh quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Lời khai của người làm chứng là chị Đặng Thị Hồng Toan trình bày: "Từ trước đến nay, chị không thấy, không biết bà M có thỏa thuận với anh Trường, anh Đ về trả tiền sản lượng cho các anh ấy hay không". Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M xác nhận không có các sổ sách ghi đối chiếu sản lượng và không có sổ sách về việc thưởng sản lượng, ngoài sổ sách liên quan đến tiền lương, sổ ghi chép cá nhân khác của bà M và tiền lương đã được trả đầy đủ cho anh Đ, chị M. Người đại diện của bị đơn cũng thừa nhận không có các tài liệu nào khác để chứng minh số tiền 534.300.000 đồng đã được đối trừ vào tiền thưởng sản lượng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả bà M 534.300.000 đồng theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và yêu cầu tính lãi nên nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau một thời gian hợp lý theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Vào các ngày 11/6/2024, ngày 20/6/2024 và ngày 08/7/2024, bà M đã gửi thông báo bằng văn bản gửi cho bị đơn yêu cầu trả khoản tiền trên. Ngày 09/7/2024, bị đơn nhận được thông báo trả tiền lần thứ 3 nhưng không trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả cho nguyên đơn tính từ ngày 09/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/9/2025 và mức lãi suất tính bằng 10%/năm theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với số tiền là 174.168.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 11-Hải Phòng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các điều 27, 29, 30 của Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15; khoản 4 Điều 26, khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số số 18/2025/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị Thắm phải trả cho bà Nguyễn Thị M 1.470.850.000 đồng (một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất chậm trả là 174.168.000 (một trăm bảy mươi tư triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tổng cộng 1.645.018.000 đồng (một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến Đ, chị Đỗ Thị Thắm phải chịu 61.350.000đ (sáu mươi mốt triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số BLTU/2023 số 0005722 ngày 24/10/2024.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp